

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm dưới sự dẫn dắt của cổ phiếu chứng khoán và vốn hóa lớn với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

SZL, MBB

[Vĩ mô/Chiến lược]

Việt Nam trở lại danh sách giám sát ngoại hối của Mỹ

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng về ngưỡng an toàn trong các nhịp hồi sớm.

08/11/2023

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,113.43 | +3.07 |
| VN30 | 1,129.95 | +3.41 |
| HĐTL VN30F1M | 1,134.00 | +3.52 |
| HNXIndex | 227.03 | +4.00 |
| HNX30 | 478.55 | +7.17 |
| UPCoM | 86.17 | +1.84 |
| USD/VND | 24,375 | +0.21 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.63 | -7 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.77 | +3 |
| Dầu (WTI, \$) | 77.34 | -0.04 |
| Vàng (LME, \$) | 1,967.71 | -0.09 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,113.43 (+3.07%)
KLGD (triệu CP) 886.2 (+84.8%)
GTGD (triệu US\$) 763.1 (+47.3%)

TTCK tăng điểm dưới sự dẫn dắt của cổ phiếu chứng khoán và vốn hóa lớn với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 269.53 tỷ đồng, tập trung tại MWG (+3.66%), VHM (+2.50%), VRE (+2.38%).

HNXIndex 227.03 (+4.00%)
KLGD (triệu CP) 124.6 (+27.0%)
GTGD (triệu US\$) 92.9 (+41.1%)

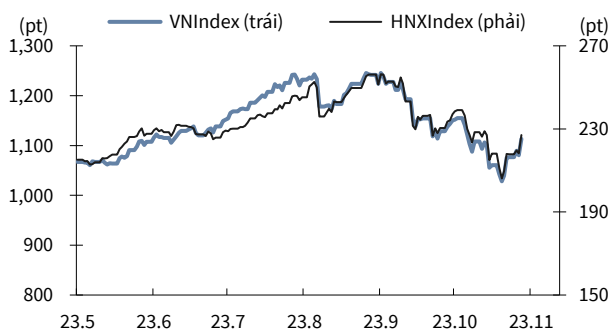
Theo Hải quan Việt Nam, tháng 9/2023, giá trị xuất khẩu cá tra Việt Nam sang EU đạt hơn 14 triệu USD (+11% YoY). Cổ phiếu Thủy sản tăng giá ở VHC (+6.04%), ANV (+6.85%).

UPCoM 86.17 (+1.84%)
KLGD (triệu CP) 98.5 (+117.5%)
GTGD (triệu US\$) 26.4 (+38.1%)

Theo Tổng cục Thống kê, tháng 10/2023, giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 1.2 tỷ USD (+6% MoM). Cổ phiếu Gỗ tăng giá ở TTF (+3.09%), PTB (+1.08%).

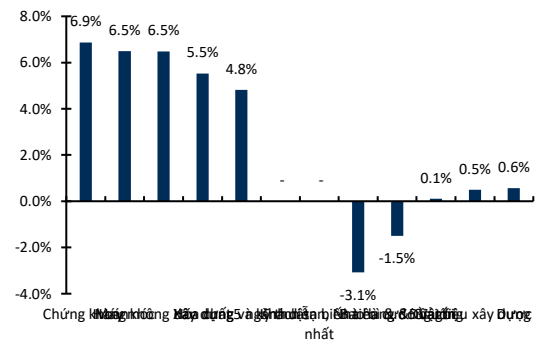
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -9.2

VNIndex & HNXIndex



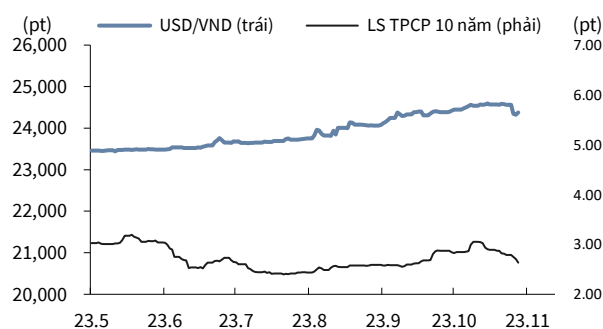
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

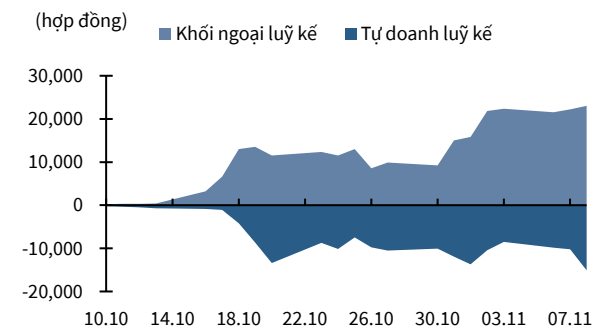
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,129.95 (+3.41%) |
| VN30F1M | 1,134.0 (+3.52%) |
| Mở cửa | 1,094.5 |
| Cao nhất | 1,136.9 |
| Thấp nhất | 1,086.3 |
| KLGD (HĐ) | 341,531 (+51.0%) |

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2311 và VN30 mở cửa tại 0.79 điểm, sau đó lên mức cao nhất tại 8.85 điểm và đóng cửa tại 4.05 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

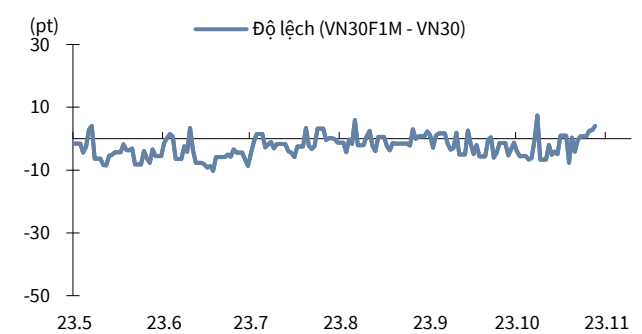
Khối ngoại mua ròng 819 HĐTL VN30F2311 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 23,035 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 4,917 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 15,099 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



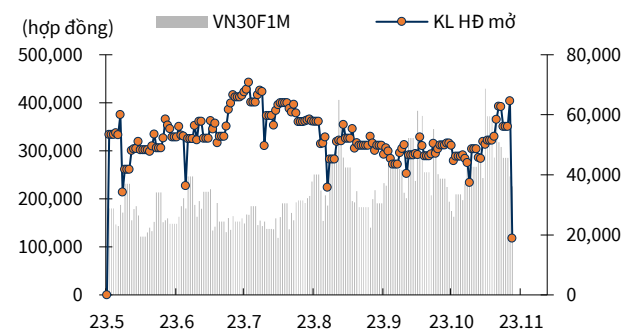
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



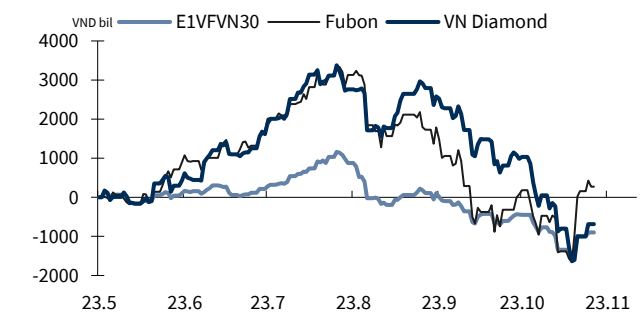
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

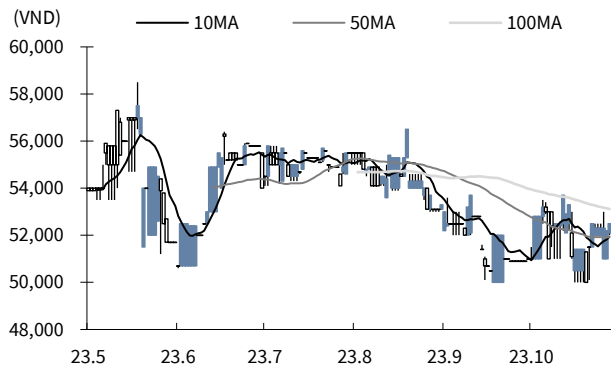
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Sonadezi Long Thành (SZL)

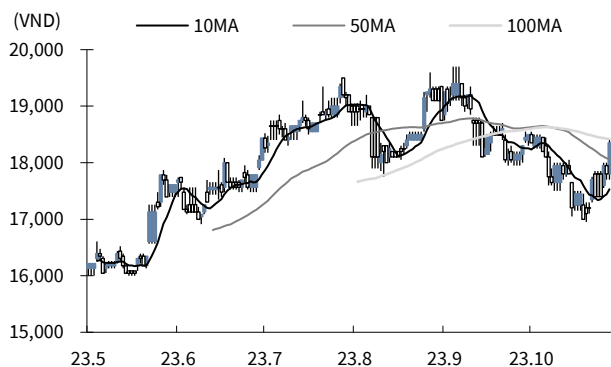


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SZL tăng 0.57% lên 52,500 VND/cp

- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành vừa có thông báo về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, SZL dự kiến phát hành hơn 9.11 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 2:1, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ có 1 quyền nhận thêm cổ phiếu và cứ 2 quyền sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu mới. Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền là ngày 17/11.

Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MBB tăng 3.09% lên 18,350 VND/cp

- Lũy kế 9 tháng đầu năm nay, Ngân hàng TMCP Quân đội ghi nhận thu nhập lãi thuần 29,520 tỷ đồng, tăng 11.8% YoY. Trong đó, dư nợ tín dụng của Ngân hàng Quân đội vào cuối tháng 9/2023 đạt khoảng 577,000 tỷ đồng, tăng khoảng 14% so với thời điểm đầu năm nay, cao hơn so với mặt bằng chung toàn ngành ngân hàng. Về phía huy động, tính đến cuối tháng 9/2023, quy mô tiền gửi khách hàng của ngân hàng này đạt 479,733 tỷ đồng, tăng hơn 8% so với hồi đầu năm nay.

Việt Nam trở lại danh sách giám sát ngoại hối của Mỹ

Bộ Tài chính Mỹ đưa 6 quốc gia và vùng lãnh thổ vào danh sách giám sát thao túng tiền tệ, trong đó có Việt Nam

— Ngày 07/11/2023, Bộ Tài chính Mỹ công bố Báo cáo bán thường niên "Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Mỹ" trong kỳ đánh giá 4 quý tính đến hết tháng 6/2023. Cụ thể, Bộ Tài Chính Mỹ cho rằng Việt Nam, Trung Quốc, Đức, Malaysia, Singapore và Đài Loan là các quốc gia và vùng lãnh thổ được đưa vào danh sách theo dõi thao túng tiền tệ. Trong khi đó, Thụy Sĩ và Hàn Quốc đã được loại bỏ khỏi danh sách giám sát.

Việt Nam vượt qua 2 trong 3 ngưỡng tiêu chí đánh giá thao túng tiền tệ

- Theo Báo cáo, thặng dư cán cân vãng lai của Việt Nam ở mức 4.7% GDP trong 4 quý tính đến tháng 6 năm 2023, vượt qua mức tối thiểu là 3% mà Bộ Tài chính Mỹ đưa ra.
- Thặng dư hàng hóa và dịch vụ song phương là 105 tỷ USD trong kỳ đánh giá, gấp 7 lần ngưỡng tối thiểu là 15 tỷ USD. Việt Nam tiếp tục là quốc gia xuất siêu hàng hóa sang Mỹ lớn thứ 3 sau Trung Quốc và Mexico (lần lượt đạt 294 và 145 tỷ USD).
- Việt Nam không vi phạm tiêu chí còn lại là can thiệp thị trường ngoại hối một chiều và kéo dài. Trong 4 quý tính đến tháng 6 năm 2023, NHNN đã mua hơn 6 tỷ USD để bổ sung dự trữ ngoại hối, tương đương 1.45% GDP.

Thông tin tác động không đáng kể đến hoạt động điều hành của NHNN và TTCK

- Dù bị đưa vào danh sách giám sát, khả năng Việt Nam bị gắn mác thao túng tiền tệ là rất thấp. Với đặc thù kinh tế của Việt Nam, 2 tiêu chí rất khó kiểm soát dưới ngưỡng đánh giá bao gồm thặng dư thương mại song phương và thặng dư cán cân vãng lai. Với tiêu chí còn lại, trong bối cảnh tỷ giá đã tăng ~3.3% so với đầu năm, chúng tôi cho rằng mức mua vào ngoại tệ của NHNN khó vượt ngưỡng 2% GDP trong kỳ đánh giá tới. Trong quá khứ, Việt Nam đã từng vi phạm cả 3 tiêu chí nhưng vẫn được Mỹ kết luận là không thao túng tiền tệ sau kỳ phân tích nâng cao. Do vậy, chúng tôi cho rằng thông tin này sẽ không tác động đáng kể đến quyết định của các nhà điều hành, qua đó NHNN có thể tiếp tục linh hoạt hơn trong chính sách tiền tệ và tỷ giá để ổn định vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.
- Sau khi báo cáo của Bộ Tài chính Mỹ được công bố, NHNN đã cho biết các hoạt động ngoại giao với Mỹ vẫn diễn ra thường xuyên. Qua đó, Mỹ đánh giá cao công tác điều hành chính sách tiền tệ và tỷ giá của Việt Nam cũng như việc duy trì được sự ổn định thị trường tài chính, tiền tệ, kinh tế vĩ mô. Theo đó, thông tin này không gây ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư cũng như TTCK.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex điều chỉnh giảm co trong phiên trước khi dần hồi phục và mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên.
- Dòng tiền tham gia tích cực lan toả đến hầu hết các nhóm ngành đã giúp cho chỉ số hình thành mẫu nến Marubozu trong phiên hôm nay cùng thanh khoản gia tăng đột biến. Mặc dù áp lực điều chỉnh sẽ còn tiếp diễn trong các phiên tới, cơ hội mở rộng đà tăng điểm và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1120 (+5) đang được đánh giá cao.
- Với xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng về ngưỡng an toàn trong các nhịp hồi sớm.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn: Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1145 - 1150

Kháng cự gần: 1138 - 1142

Hỗ trợ gần: 1116 - 1120

Hỗ trợ xa: 1108 - 1110

— F1 điều chỉnh giằng co trong phiên trước khi dần hồi phục và mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên.

— Lực mua chủ động áp đảo phe bán đã giúp cho chỉ số hình thành mẫu nến Marubozu trong phiên hôm nay và khiến cho trạng thái thị trường trở nên tích cực hơn. Mặc dù áp lực điều chỉnh sẽ còn tiếp diễn trong các phiên tới, cơ hội mở rộng đà tăng điểm và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1140 (+5) đang được đánh giá cao.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

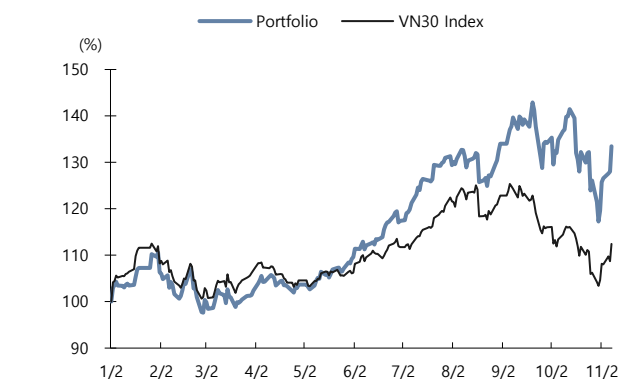
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 3.41% | 4.26% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 12.41% | 33.47% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 08/11/2023 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|-----------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| SSI (SSI) | 01/11/2023 | 30,300 | 6.9% | 11.6% | - Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 01/11/2023 | 77,000 | 1.4% | 6.9% | - PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua sẽ có sự cải thiện rõ nét hơn trong quý 4, cũng là mùa tiêu dùng cao điểm của ngành t |
| Kinh Bắc (KBC) | 02/10/2023 | 30,450 | 6.8% | -5.7% | - Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Trảng Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 202 |
| Deo Ca Infrastructure (HHV) | 01/11/2023 | 15,350 | 7.0% | 13.7% | - Backlog tới 4,000 tỷ VND tại cuối 3Q2023, tương đương doanh thu trung bình mảng xây lắp giai đoạn 20 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả từ đề xuất của Bộ GTVT trong năm 2 |
| Asia Commercial Bank (ACB) | 01/11/2023 | 22,800 | 3.2% | 5.6% | - Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong th tối - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập |
| Nhon Trach 2 (NT2) | 01/11/2023 | 24,400 | 2.3% | 6.8% | - Kỳ vọng điện khí sẽ khả quan hơn từ 4Q2023 khi A0 bắt đầu tăng cường huy động từ cuối tháng 9 - Giá khí đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với mức trung bình 2022 - NT2 sẽ kết thúc quá trình đại tu sau 3Q2023 |
| Hoa Sen Group (HSG) | 01/11/2023 | 21,100 | 6.8% | 19.2% | - Kênh xuất khẩu hỗ trợ doanh thu - Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng cải thiện sớm nhờ mức nền thấp HRC duy trì và đã đẩy hết lượng hàng tồn k cao - Cơ cấu tài chính an toàn |
| CTG (CTG) | 01/11/2023 | 29,250 | 2.5% | 6.8% | - Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt 12% trong năm 2023 - Giá chiết khấu sâu so với định giá |
| FPT (FPT) | 01/11/2023 | 92,600 | 4.9% | 8.4% | - Triển vọng tích cực được dẫn dắt bởi mảng CNTT - Mảng viễn thông và giáo dục duy trì tăng trưởng tích cực |
| Vinamilk (VNM) | 01/11/2023 | 71,400 | 0.8% | 1.4% | - Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện - Thị phần cải thiện nhờ chiến dịch thay đổi nhận diện thương hiệu |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HDB | 4.4% | 19.6% | 37.2 |
| HPG | 4.5% | 25.1% | 35.5 |
| VIC | 2.3% | 12.7% | 24.8 |
| HSG | 6.8% | 21.2% | 24.7 |
| STB | 3.5% | 23.9% | 23.1 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| MWG | 3.7% | 46.2% | -235.4 |
| VHM | 2.5% | 24.0% | -128.3 |
| VRE | 2.4% | 33.3% | -56.9 |
| MSN | 2.9% | 29.1% | -40.8 |
| VNM | 0.9% | 55.2% | -36.4 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| IDC | 7.1% | 1.5% | 35.7 |
| SHS | 9.4% | 13.0% | 31.0 |
| PVI | -0.4% | 59.9% | 1.4 |
| VGS | 9.6% | 0.4% | 1.1 |
| PLC | 6.6% | 1.3% | 0.5 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| CEO | 9.6% | 5.3% | -4.7 |
| PVS | 4.5% | 21.6% | -4.0 |
| TNG | 5.0% | 20.5% | -2.2 |
| VCS | 4.0% | 2.8% | -0.4 |
| TIG | 9.6% | 12.7% | -0.2 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Sản phẩm xây dựng | 14.6% | VGC, BMP, SHI, DAG |
| Xây dựng và kỹ thuật | 13.9% | DIG, HDG, VCG, PC1 |
| Hóa chất | 13.9% | GVR, DGC, DPM, DCM |
| Chứng khoán | 13.4% | SSI, VND, HCM, VCI |
| Đồ uống | 13.0% | SAB, BHN, SMB, SCD |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí | -2.8% | AST, VNG, DSN, DAH |
| Ngành chứa phân loại | -0.3% | CKG, PSH, NHH, ABS |
| Bao bì & đóng gói | 0.7% | TDP, SVI, MCP, TPC |
| Cung cấp và dịch vụ thương mại | 1.0% | TLG, ILB, APC, ST8 |
| Vận tải hàng không & Logistics | 1.2% | TMS, SCS, STG, ASG |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Hàng không dân dụng | 15.5% | VJC, HVN |
| Kim loại & khai thác | 7.8% | HPG, HSG, NKG, KSB |
| Phụ tùng oto | 4.4% | DRC, CSM, PAC, TNC |
| Ngân hàng | 3.6% | VCB, BID, VPB, TCB |
| Xây dựng và kỹ thuật | 1.7% | DIG, HDG, VCG, PC1 |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|-----------------------------------|--------------|--------------------|
| Hàng hải | -12.0% | VSC, VOS, SKG, VTO |
| Bán lẻ hàng chuyên dụng | -11.1% | MWG, FRT, CTF, HAX |
| Đồ gia dụng | -10.5% | TTF, GDT, EVE, SAV |
| Tập đoàn công nghiệp | -8.2% | REE, BCG, PET, EVG |
| Quản lý & phát triển bất động sản | -7.7% | VHM, VIC, NVL, BCM |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn) | GTGD (VND triệu, USD mn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------|------|-------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 260,979 (10.6) | 22.5 | 30.3 | 92.4 | 14.7 | 4.2 | 0.9 | 1.4 | 1.4 | 2.3 | 6.4 | -6.4 | -20.1 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 235,963 (9.6) | 26.6 | 5.2 | 5.4 | 35.9 | 21.2 | 18.0 | 1.0 | 0.8 | 2.5 | 6.6 | 11.0 | -14.6 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 109,891 (4.5) | 17.8 | 13.1 | 12.3 | -7.6 | 11.9 | 11.4 | 1.4 | 1.4 | 2.4 | 4.4 | 13.7 | -9.9 |
| | NVL | NOVALAND INVESTM | 45,853 | 86,712 (3,768) | 270,675 (11.1) | 31.3 | - | - | 6.7 | -3.8 | -0.7 | 0.8 | 0.8 | 6.9 | 18.3 | 11.5 | 10.7 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 25,770 | 19,167 (833) | 39,929 (1.6) | 11.6 | 24.0 | 24.3 | 13.7 | 8.5 | 7.9 | 1.8 | 1.8 | 6.0 | 8.6 | 5.3 | 28.9 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 278,276 (11.4) | 13.9 | 69.9 | 37.3 | - | 3.7 | 3.4 | 1.2 | 1.2 | 6.7 | 12.8 | 13.8 | 49.0 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 67,686 | 378,305 (16,441) | 78,240 (3.2) | 6.3 | 15.4 | 13.0 | 11.7 | 22.2 | 20.9 | 3.0 | 2.4 | 1.4 | 1.9 | 4.8 | 32.1 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507 | 174,556 (7,586) | 36,376 (1.5) | 12.7 | 10.8 | 8.9 | -5.3 | 19.0 | 19.4 | 1.8 | 1.5 | 2.6 | 7.3 | 1.7 | 11.1 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 108,993 (4.4) | 0.0 | 6.3 | 4.9 | 14.3 | 14.9 | 16.1 | 0.9 | 0.7 | 3.9 | 12.8 | -0.8 | 23.0 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 70,930 (2.9) | 1.4 | 7.7 | 6.7 | 50.3 | 16.5 | 17.2 | 1.1 | 1.0 | 2.5 | 6.8 | 1.9 | 7.3 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 15,296 | 101,381 (4,406) | 266,141 (10.9) | 0.0 | 11.2 | 8.3 | 18.8 | 10.8 | 12.0 | 1.2 | 1.1 | 3.1 | 7.8 | 1.9 | 19.3 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 14,063 | 73,327 (3,187) | 123,440 (5.0) | 0.0 | 4.8 | 4.2 | 14.6 | 23.0 | 22.4 | 1.0 | 0.9 | 3.1 | 6.7 | 1.1 | 23.4 |
| | HDB | HDBANK | 14,191 | 40,641 (1,766) | 149,678 (6.1) | 4.2 | 6.1 | 4.5 | 23.3 | 22.8 | 24.3 | 1.2 | 1.0 | 4.4 | 9.0 | 9.9 | 35.5 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 493,731 (20.1) | 14.0 | 8.0 | 5.0 | 26.5 | 18.0 | 23.2 | 1.2 | 1.0 | 3.4 | 8.5 | -3.1 | 33.3 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 14,821 | 28,732 (1,249) | 76,708 (3.1) | 0.0 | 5.0 | 4.2 | 37.4 | 19.4 | 19.3 | 1.1 | 0.9 | 4.2 | 9.2 | 2.7 | 14.1 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 13,065 | 22,745 (988) | 85,560 (3.5) | 0.2 | 16.4 | 10.0 | 27.3 | 10.4 | 15.7 | 1.5 | 1.3 | 2.8 | 6.1 | 6.7 | -7.8 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 11,195 (0.5) | 21.0 | 16.9 | 16.6 | 15.8 | 8.6 | 8.4 | 1.5 | 1.4 | 1.5 | 5.1 | -2.1 | -12.0 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 20,227 | 2,439 (106) | 2,731 (0.1) | 14.2 | - | - | 9.1 | 13.4 | - | - | - | 0.9 | 5.8 | -7.8 | 11.5 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 20,676 | 19,947 (867) | 748,505 (30.6) | 55.4 | 24.1 | 20.5 | -3.2 | 8.0 | 8.4 | 2.0 | 2.0 | 6.9 | 11.6 | -8.0 | 71.2 |
| | VCI | VIETCAP | 21,154 | 9,108 (396) | 255,492 (10.4) | 71.9 | 25.8 | 19.2 | -4.0 | 10.5 | 13.6 | 2.7 | 2.5 | 7.0 | 17.1 | 4.5 | 75.3 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 143,035 (5.8) | 52.4 | - | - | -19.0 | - | - | - | - | 6.9 | 10.8 | -3.5 | 44.0 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983 | 5,734 (249) | 450,103 (18.4) | 27.2 | 20.3 | 15.2 | 36.3 | 7.9 | 10.2 | 1.6 | 1.5 | 6.8 | 12.7 | -6.5 | 44.8 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 143,541 (5.9) | 42.1 | 18.9 | 16.1 | 4.0 | 28.5 | 31.4 | 5.3 | 5.5 | 0.8 | 1.4 | -3.8 | -6.2 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 96,250 | 123,447 (5,365) | 34,585 (1.4) | 36.9 | 18.1 | 16.2 | 7.3 | 18.3 | 19.7 | 3.3 | 2.9 | 0.0 | 13.4 | -6.5 | -22.0 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 79,250 | 111,712 (4,855) | 114,106 (4.7) | 16.5 | 56.0 | 28.5 | -51.9 | 3.9 | 11.7 | 3.4 | 3.0 | 2.9 | 7.2 | 12.2 | -31.4 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 6,473 (0.3) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | 2.9 | 6.2 | -6.3 | -13.7 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 95,508 (3.9) | 11.0 | 139.7 | 38.8 | -88.5 | 3.6 | 7.5 | 4.1 | 3.6 | 6.6 | 8.2 | 16.5 | 3.2 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 90,090 (3.7) | 10.8 | 11.4 | 19.0 | -57.0 | 29.3 | 12.2 | 2.3 | 2.2 | 2.6 | 9.7 | 4.3 | 49.3 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 144,680 (5.9) | 38.4 | 34.2 | 21.9 | 65.7 | 2.4 | 3.8 | 0.8 | 0.8 | 6.8 | 18.2 | -3.9 | 33.3 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | #N/A (#N/A) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 320,761 (13.1) | 37.7 | 24.6 | 16.5 | -14.4 | 3.5 | 6.7 | - | - | 6.9 | 15.8 | 2.7 | 68.5 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 54,900 | 5,438 (236) | 77,266 (3.2) | 3.6 | 19.5 | 17.5 | -52.4 | 3.9 | 4.0 | 0.7 | 0.6 | 3.1 | 25.2 | 22.3 | 155.3 |
| | REE | REE | 45,066 | 18,419 (800) | 24,114 (1.0) | 0.0 | 9.2 | 7.7 | -4.5 | 14.5 | 14.9 | 1.2 | 1.1 | 3.3 | 9.4 | -8.4 | -8.3 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn) | GTGD (VND triệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|------------------------------------|-------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 75,083 | 172,447 (7,494) | 44,376 (1.8) | 46.1 | 14.8 | 14.4 | -17.5 | 19.4 | 17.4 | 2.8 | 2.6 | 1.5 | 4.0 | -5.0 | -5.4 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 11,217 (0.5) | 31.4 | 12.4 | 9.9 | -10.5 | 12.2 | 15.2 | 1.5 | 1.5 | 2.3 | 6.8 | 0.8 | -15.4 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 1,211 (0.0) | 34.1 | 13.5 | 7.3 | -5.1 | 6.7 | 11.7 | 0.8 | 0.8 | 3.5 | 7.6 | -2.9 | 5.9 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 24,986 | 145,287 (6,314) | 476,427 (19.5) | 18.0 | 23.4 | 12.2 | 21.9 | 6.6 | 11.3 | 1.5 | 1.4 | 4.5 | 12.5 | 8.0 | 49.7 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 126,649 (5.2) | 36.5 | 10.8 | 7.1 | -0.5 | 9.4 | 14.0 | 1.0 | 1.0 | 4.8 | 13.9 | - | -23.5 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 169,240 (6.9) | 46.5 | 12.5 | 8.0 | -4.5 | 12.0 | 17.6 | 1.4 | 1.3 | 6.1 | 12.1 | - | 18.5 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 18,314 | 11,063 (481) | 176,680 (7.2) | 38.9 | 22.4 | 15.4 | 67.9 | 5.8 | 11.6 | 1.1 | 1.0 | 6.8 | 19.2 | 12.5 | 88.2 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 21,374 (0.9) | 97.2 | - | - | 17.2 | - | - | - | - | 6.5 | 14.7 | 2.1 | 36.0 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 30,164 (1.2) | 4.6 | 14.1 | 12.6 | -51.0 | 12.0 | 12.4 | 1.7 | 1.6 | 3.2 | 5.9 | -2.3 | 7.9 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 17,727 | 9,854 (428) | 199,113 (8.1) | 39.9 | 22.9 | 14.1 | -11.9 | 4.6 | 7.7 | 1.0 | 1.0 | 4.0 | 10.7 | 6.0 | 53.2 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 131,282 (5.4) | 35.9 | 9.0 | 8.2 | 2.2 | 15.3 | 14.3 | 1.2 | 1.1 | 5.3 | 11.3 | -7.2 | 16.4 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 46,500 | 65,024 (2,826) | 429,916 (17.5) | 0.0 | 43.2 | 14.4 | 14.4 | 3.2 | 14.9 | 2.4 | 2.1 | 3.7 | 12.8 | - | -7.7 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 65,625 | 19,895 (865) | 35,434 (1.4) | 0.0 | 14.8 | 12.7 | 2.4 | 19.1 | 19.8 | 2.7 | 2.4 | 1.4 | 6.9 | -1.3 | -14.3 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 7,562 (0.3) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | 3.9 | 4.8 | 13.7 | 95.3 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 16,348 | 2,227 (097) | 58,912 (2.4) | 30.3 | - | 28.7 | -75.2 | 12.4 | 23.8 | 6.6 | 5.5 | 4.2 | 13.6 | 2.6 | 66.7 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 18,019 (0.7) | 34.6 | 12.8 | 15.9 | 41.2 | 15.2 | 12.2 | 1.9 | 1.8 | 3.9 | 7.8 | -4.4 | 17.8 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 3,838 (0.2) | 45.4 | 12.3 | 11.5 | 10.7 | 25.4 | 23.8 | 2.8 | 2.4 | 1.1 | 3.4 | -9.8 | 24.9 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | #N/A (#N/A) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| IT | FPT | FPT CORP | 49,275 | 61,301 (2,664) | 262,234 (10.7) | 0.0 | 18.7 | 15.3 | 15.5 | 26.9 | 28.1 | 4.8 | 4.8 | 4.9 | 8.4 | -0.1 | 38.5 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

